

Ngày làm bài: Thứ ....., ngày ..../.....

## GLOBAL ENGLISH 6

### UNIT 4: INVENTIONS – VOCABULARY 1 & PET LISTENING

#### CLASSWORK

##### A. TIPS

###### Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

❶ **Ví dụ:** You will hear two friends talking about a new girl in their class. What is the boy's opinion of her?  
→ Khi nghe, con cần tập trung vào cảm nghĩ của cậu bé về người bạn cùng lớp mới.

###### Step 2: Watch Out for Traps (Coi chừng bẫy)

Mục tiêu: Tránh bị đánh lừa bởi từ giống nhau giữa bài nghe và đáp án, nhưng ngữ cảnh hoặc ý nghĩa lại không khớp.

###### Ví dụ mẫu:

What sport does the girl want to try next week?

- A. Tennis
- B. Basketball
- C. Swimming

###### Transcript:

Boy: So, did you enjoy your swimming class yesterday?

Girl: Yeah, it was fun! But I've been doing that every week for months. I want to try something different now.

Boy: Like what?

Girl: I think tennis sounds exciting. I even bought a new racket!

###### Phân tích:

- Cả A. Tennis và C. Swimming đều được nhắc đến trong đoạn hội thoại.
- Tuy nhiên, câu hỏi là: “Môn thể thao nào cô bé muốn thử vào tuần sau?”, không phải “Môn thể thao cô bé đã chơi”.
- Nếu con chỉ nghe thấy từ swimming và chọn ngay đáp án C là sai. Vì swimming là môn cô bé đã học trong thời gian qua, chứ không phải môn cô ấy muốn thử.
- Tennis là môn thể thao mới mà cô bé muốn thử trong tuần sau, thậm chí còn nói đã mua vợt mới → Đáp án đúng là A. Tennis.

#### B. PRE-LISTENING

Con làm bài nghe theo link/code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-pet-test-7-part-2>



Listen and choose True or False.

1. The boy says the new girl is very polite to younger students.  True  False
2. Both friends agree that the band's new music is still very original.  True  False
3. The boy had to wait a long time to get his money back.  True  False
4. The boy thinks the teacher gave him low marks because he is not active  True  False

## C. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link/code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-pet-test-7-part-2>



### PART 2 Questions 8-13

For each question, choose the correct answer.

8. You will hear two friends talking about a new girl in their class.

What is the boy's opinion of her?

- A. She's the best student in the maths class.
- B. She's not polite with other children.
- C. She's pleasant to hang out with.

9. You will hear two friends talking about a group's new song.

They agree that

- A. their new song is as good as their old ones.
- B. they aren't as creative anymore.
- C. they have copied another band's song.

10. You will hear a girl telling a friend about something she bought online.

What does the boy say about his experience?

- A. He didn't get his money back immediately.
- B. He kept being sent the wrong size.
- C. He was not able to return the item.

11. You will hear two friends talking about their teacher.

What do they disagree about?

- A. whether their teacher is being reasonable or not
- B. which student got the highest mark
- C. whether the boy's exam marks were good

12. You will hear two friends talking about a new film.

What does the boy think?

- A. The film was better than the book.
- B. The book was more detailed than the film.
- C. The film was not worth watching just for the scenery.

13. You will hear two friends talking about blogs.

How does the boy feel about his blog now?

- A. confused by online information about blogs
- B. confident that he has a nice blog
- C. disappointed by the comments he has received

Tên: .....

Lớp: S6...

Từ vựng &amp; Ngữ pháp: .....

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Nghe: .....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 6

### UNIT 4: INVENTIONS – VOCABULARY 1 & PET LISTENING

#### A. VOCABULARY

##### - Technology & Devices

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>gadget</b> (n)	thiết bị nhỏ, tiện ích	5	<b>upgrade</b> (v)	nâng cấp
2	<b>humanoid</b> (adj)	có hình dáng/đặc điểm giống người	6	<b>rechargeable</b> (adj)	có thể sạc lại
3	<b>sensor</b> (n)	cảm biến	7	<b>USB memory stick</b> (n)	thẻ nhớ USB
4	<b>battery</b> (n)	pin			

##### - Functions & Use

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>transport</b> (n)	phương tiện di chuyển	4	<b>try out</b> (v)	thử nghiệm
2	<b>comfort</b> (n)	sự thoải mái	5	<b>compass</b> (n)	la bàn
3	<b>solve</b> (v)	giải quyết			

##### - Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>satellite</b> (n)	vệ tinh	3	<b>ordinary</b> (adj)	bình thường
2	<b>fabulous</b> (adj)	tuyệt vời	4	<b>open-mouthed</b> (adj)	há hốc miệng (vì ngạc nhiên hoặc sốc)

#### B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>embarrassed</b> (adj)	xấu hổ, ngượng ngùng	4	<b>unexpected</b> (adj)	bất ngờ, không lường trước
2	<b>electricity</b> (n)	điện	5	<b>fantastic</b> (adj)	tuyệt vời, xuất sắc
3	<b>attack</b> (v)	tấn công			

\*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### C. HOMEWORK

#### VOCABULARY & GRAMMAR

##### I. Choose the correct answers.

- You can store documents on a \_\_\_\_\_ and use them on different computers.
  - gadget**
  - battery**
  - USB memory stick**
  - compass**
- The robot looks very \_\_\_\_\_. It even has eyes and a mouth!
  - rechargeable
  - humanoid
  - satellite
  - open-mouthed
- He added a fan to the chair to increase \_\_\_\_\_ in the summer.
  - comfort
  - compass
  - sensor
  - upgrade

3. After we \_\_\_\_\_ the system, the device works much faster.  
 A. transport      B. sensor      C. upgrade      D. ordinary

4. Some animals use the Earth's magnetic field like a natural \_\_\_\_\_.  
 A. satellite      B. transport      C. compass      D. fabulous

5. The boy was \_\_\_\_\_ when he saw the humanoid robot dancing. He was so shocked!  
 A. fabulous      B. gadget      C. solve      D. open-mouthed

## II. Match to make meaningful sentences.

0. <i>We had a fabulous time</i>	0- <b>b</b>	a. means of public transport in cities.
1. I love this new gadget; it can	1- __	b. <i>at the science museum!</i>
2. These rechargeable batteries	2- __	c. it can translate your voice!
3. Buses and trains are popular	3- __	d. can be recharged many times.
4. I want to try out	4- __	e. take photos and measure your steps!
5. This isn't an ordinary phone;	5- __	f. this new game before buying it.

## III. Fill in the blanks with the correct words in the box. Some words may not be used.

<b>gadget</b>	<b>ordinary</b>	<b>solve</b>	<b>USB memory stick</b>	<b>try out</b>	<b>sensor</b>	<b>battery</b>	<b>satellite</b>
---------------	-----------------	--------------	-------------------------	----------------	---------------	----------------	------------------

Last weekend, our class visited a technology museum. At the entrance, we were given a small (0) gadget that looked like a smart badge. It had a tiny screen and a(n) (1) \_\_\_\_\_ that could detect when we walked into different rooms.

In the first room, we learned how people used to store information on CDs and floppy disks. Now, most of us use a(n) (2) \_\_\_\_\_ because it's faster and easier to carry around.

Then we watched a short video about space. It showed how a(n) (3) \_\_\_\_\_ sends signals back to Earth to help us use GPS and predict the weather.

After that, we went to an area where we could (4) \_\_\_\_\_ some robots. One of them could follow our voices and answer questions. It needed a strong (5) \_\_\_\_\_ to work for a long time, but the guide said it was rechargeable, so they didn't have to replace it often.

It was a great experience - much more exciting than an ordinary school day!

## IV. Rewrite the sentences using NON-DEFINING RELATIVE CLAUSES. Use the second sentence as a relative clause.

0. *This laptop is very expensive. It was a birthday gift.*

→ *This laptop, which was a birthday gift, is very expensive.*

1. Anna is my cousin. She speaks four languages.

→ \_\_\_\_\_.

2. My father is a doctor. His clinic is in the city center.

→ \_\_\_\_\_.

3. Paris is a beautiful city. It attracts tourists from all over the world.

→ \_\_\_\_\_.

4. Mr. John is our teacher. He won the national teaching award last year.

→ \_\_\_\_\_.

5. Lisa is my best friend. Her brother works for a tech company.

→ \_\_\_\_\_.

**Lưu ý:**

- Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

**Con làm hai bài nghe theo link/code sau:**

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-b1-preliminary-for-schools-test-6-part-2>



**- Pre-listening: Listen and fill in **ONE** word in each blank.**

- Actually, he barks all the time because they are at work for so many hours every \_\_\_\_\_.
- But I had a terrible \_\_\_\_\_, and I couldn't enjoy the film.
- I just feel that I have to think about everything a lot more now. It used to be so much \_\_\_\_\_.
- Did you see her face when she realised that the museum was \_\_\_\_\_ all day?
- I don't understand why supporters of the two teams attack each other at football matches. It really makes me \_\_\_\_\_.
- I thought it was fantastic, especially the big glass roof and the way everything is a bit \_\_\_\_\_ in a really good way.

**- Listening:**

**PART 2: For each question, choose the correct answer.**

**8. You will hear two friends talking about a neighbour's dog.**

**What does the boy think the dog**

- needs more walks.
- is left alone for too long.
- is unfriendly.

**9. You will hear two friends talking about a film.**

**Why did the girl leave the cinema early?**

- She had an appointment with her dad.
- She didn't like the film.
- She felt unwell.

**10. You will hear two friends talking about the Maths lesson.**

**What do they agree on?**

- They don't like the teacher.
- The work is getting harder.
- They won't pass the exam.

**11. You will hear two friends talking about a school trip they went on.**

**What happened?**

- There was a change of plan.
- Their teacher got angry.
- The students were disappointed.

**12. You will hear two friends talking about a football match.**

**Who was the boy angry with?**

- the coach
- the players
- the fans

**13. You will hear two friends talking about a new leisure centre.**

**What did the boy like most about it?**

- the design of the building
- the gym's equipment
- the swimming pool